

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê
giai đoạn năm 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 tỉnh Kiên Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh tại Tờ trình số 182/TTr-CTK ngày 03/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn năm 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố thực hiện các nội dung được phân công chủ trì, phối hợp trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 tỉnh Kiên Giang; định kỳ gửi báo cáo kết quả thực hiện về Cục Thống kê để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các



huyện, thành phố và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *uuo*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Thống kê (Viện Khoa học Thống kê);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P. TH;
- Lưu: VT, vttkieu.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân



**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ
GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN 2045 TỈNH KIÊN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số: 254/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Kiên Giang)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, kiến nghị sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật Thống kê số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Theo kế hoạch của Trung ương	2030	Các văn bản liên quan đến đề xuất sửa Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thi hành
1.1.2	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật Thống kê số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật Thống kê số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.2	Phát triển nguồn nhân lực	012					



1.2.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	0121	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm		
1.2.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn lựa chọn, sử dụng nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh	01211	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm		Quyết định của UBND tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao.
1.2.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0122	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm		Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; Số lượng chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê
1.2.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ cho công tác thống kê đối với các vùng khó khăn	0123	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm		Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn
1.3	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực thống kê tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	0131	Cục Thống kê	Sở Nội vụ	2023	2030	Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh
1.3.2	Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm cho công chức làm thống kê tại các sở, ngành, địa phương	0132	Sở Nội vụ	Cục Thống kê	2023	2030	Các kế hoạch hàng năm

1.3.3	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại sở, ngành và địa phương	0133	Sở Nội vụ	Cục Thống kê; các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2023	2030	Các lớp đào tạo, số lượng công chức được đào tạo, bồi dưỡng
1.3.4	Cử công chức tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê do Tổng cục Thống kê mở	0134	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Theo kế hoạch cụ thể của Tổng cục Thống kê		Số lượng công chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.1	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	021					
2.1.1	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0211	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	022					
2.2.1	Áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0221	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	2025	2031	Thông tin thống kê
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					

3.1.1	Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311					
3.1.1.1	Đa dạng hóa các hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm		Ứng dụng các hình thức thu thập thông tin phù hợp, hiệu quả
3.1.1.2	Giám sát thu thập dữ liệu thống kê trực tuyến	03112	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm		Báo cáo kết quả giám sát thu thập dữ liệu thống kê trực tuyến trên địa bàn tỉnh
3.1.1.3	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thông tin	03113	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm		Xử lý dữ liệu điều tra trực tuyến; phân tích dữ liệu bằng các phần mềm thống kê hiện đại
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	- Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu; - Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra; - Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	041					

4.1.1	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0411	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2025	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	042					
4.2.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0421	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0431	Cục Thống kê	Các cơ quan truyền thông; các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2022	2030	Các hình thức công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê
5	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	05					
5.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện Chiến lược thống kê giai đoạn 2021-2030	051					
5.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0511	Cục Thống kê	Sở Tài chính; các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm		- Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030 hàng năm được phê duyệt;



								- Kinh phí thực hiện Chiến lược Thống kê được huy động và phê duyệt.
5.1.2	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0512	Cục Thống kê	Sở Tài chính ; các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Hàng năm			Kinh phí thực hiện Chiến lược Thống kê từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
5.2	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	052						
5.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0521	Cục Thống kê	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố	2024	2030		Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
5.2.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0522	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố	2024	2030		Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
5.3	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	053						
5.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0531	Cục Thống kê	Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố	2024	2030		- Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt; - Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.

II / Kế hoạch 4 năm 2024

5.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0532	Sở Tài chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, thành phố	2024	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC THỐNG KÊ GIAI ĐOẠN 2021-2030						
6	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện Chiến lược	06					
6.1	Thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược thống kê giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh	061					
6.1.1	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0611	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược cấp tỉnh
6.1.2	Kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	0612	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh	Khi có yêu cầu		Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện Chiến lược cấp tỉnh
6.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh	062					
6.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030 của tỉnh	0621	Cục Thống kê	Các Sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Tháng 8/2022	cập nhật 2026	Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh được ban hành

6.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030 của tỉnh	0622	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	Khi có yêu cầu		Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh được ban hành
6.3	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược	063					
6.3.1	Xây dựng Kế hoạch và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh	0631	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố		Tháng 9/2022	01 hội nghị do UBND tỉnh chủ trì
7	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	07					
7.1	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030	071					
7.1.1	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030	0711	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2023	2030	Kết quả thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
7.2	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030	072					
7.2.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030	0721	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố	2023	2030	Báo cáo theo dõi thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê giai đoạn 2021-2030 hàng năm
7.2.2	Sơ kết thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030	0722	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của tỉnh (Từ tháng 9-12/2025)
7.2.3	Tổng kết thực hiện Chiến lược Thống kê giai đoạn 2021-2030	0723	Cục Thống kê	Các sở, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố	Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của tỉnh (Từ tháng 7-10/2030)